

MỘT SỐ KIỂU TƯƠNG TÁC DIỄN NGÔN VĂN HỌC NHÌN TỪ LÝ THUYẾT PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

DẰNG THI THU HIỀN*

Abstract: As a process of interaction between different factors in society, discourse needs to be studied from the perspective of discourse interaction. A discourse is a process of interaction between different factors, and, at the same time, can exist as a factor in the other, thereby forming a network of its interaction. Literary discourses can provide many illustrations of different types in its network of interaction. This article focuses on clarifying the main types of literary discourses interaction with the aim of affirming and establishing some theoretical tools for analyzing discourse interaction, complementing Discourse Analysis theory, which is currently widely applied in linguistic research.

Keywords: *discourse, literary discourses, discourse analysis, interaction, discourse interaction*

1. Đặt vấn đề

Với khung lý thuyết Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis), người tiếp cận và nghiên cứu diễn ngôn đã có cái nhìn tương đối rõ ràng về quá trình tạo lập diễn ngôn, cấu trúc nội tại cũng như vị trí, tương quan của nó với các nhân tố khác trong hoạt động giao tiếp xã hội. Tuy nhiên, có thể thấy việc tiếp cận, nghiên cứu diễn ngôn đã và đang tập trung vào khai thác các yếu tố thuộc môi trường giao tiếp (ngữ vực) tác động tới quá trình sản sinh diễn ngôn và những yếu tố trong cấu trúc nội tại (cấu trúc, liên kết, mạch lạc) của diễn ngôn. Điều này cũng cho thấy diễn ngôn dường như đang được xem xét như một thực thể tồn tại trong hoạt động tương tác, là sản phẩm của hoạt động đó, với hình hài vật chất là lớp ngôn từ được cấu trúc hoá (và đương nhiên gồm cả các yếu tố phi ngôn ngữ kèm theo) được tạo ra bởi sự tác động của các nhân tố khác nhau trong tương tác đó. Từ góc nhìn này, phân tích diễn ngôn đã coi sản phẩm của hoạt động giao tiếp là đối tượng nghiên cứu chủ yếu và xem xét các bình diện nội dung và hình thức của nó trong mối tương quan với ngữ cảnh và các nhân tố bên ngoài diễn ngôn.

Ở khía cạnh khác, diễn ngôn không chỉ là sản phẩm của hoạt động tương tác, giao tiếp trong xã hội, dù là giao tiếp bằng phương tiện nào. Từ góc nhìn này, diễn ngôn vừa là quá trình tương tác vừa là sản phẩm của hoạt động tương tác xã hội đó, thông qua hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là chủ yếu. Trong cấu trúc nội tại và quan hệ ngoại tại, diễn ngôn không thể chỉ gồm các yếu tố thuộc về ngữ vực hay mạch lạc, liên kết mà còn là sự tương tác của các nhân tố khác nhau trên các phương diện khác nhau trong quá trình hoạt động liên tục giữa các nguồn phát và nguồn nhận khác nhau, trong cùng một ngữ cảnh hoặc trong những ngữ cảnh tương tác khác nhau. Điều này cũng cho phép hiểu rằng, mỗi diễn ngôn thực ra là một quá trình hoạt động chưa có điểm dừng, chừng nào các nguồn lực và ngữ cảnh của nó còn tồn tại và tiếp tục tương tác.

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy, mỗi diễn ngôn (dù với tư cách là quá trình tương tác hay sản phẩm của hoạt động tương tác) sẽ không thể tồn tại riêng lẻ, tách biệt mà luôn có mối quan hệ, tương tác với các diễn ngôn khác theo nhiều cấp độ và chiều hướng, biểu hiện khác nhau. Mối quan hệ tương tác này có thể mở ra góc nhìn rộng hơn về quá trình tạo sinh, tồn tại và mối liên hệ của các diễn ngôn như một biểu hiện của các tương tác xã hội trong đời sống. Mỗi kiểu loại diễn ngôn có thể có các tương tác đa

* TS, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội

dạng, đa chiều kích với các biểu hiện cụ thể khác nhau, vừa mang tính đặc thù của lĩnh vực diễn ngôn vừa thể hiện quy luật, nguyên tắc chung của các tương tác xã hội.

Diễn ngôn văn học với tư cách là một kiểu loại diễn ngôn được phân chia theo phạm vi, lĩnh vực mà ở đó diễn ngôn được hiện thực hoá, cũng không nằm ngoài mối quan hệ tương tác đa chiều đó. Mặt khác, do đặc thù của lĩnh vực văn chương, tương tác giữa các diễn ngôn văn học lại có những biểu hiện độc đáo riêng, làm nổi bật đặc điểm của một loại hình giao tiếp đặc biệt: giao tiếp nghệ thuật. Sự thể hiện của tương tác diễn ngôn trong văn học vừa minh chứng cho các nguyên tắc, phương diện khác nhau của tương tác diễn ngôn nói chung vừa bổ sung và làm hoàn thiện các mô hình tương tác đó.

2. Một số khái niệm liên quan

2.1. *Diễn ngôn và diễn ngôn văn học*

Khái niệm diễn ngôn đã được đề cập và bàn luận rất nhiều trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong nhiều năm qua: triết học, xã hội học, ngôn ngữ học, tâm lí học, nghiên cứu văn học... Diễn ngôn là đối tượng nghiên cứu được đặt trong cái nhìn đa chiều, từ nhiều góc nhìn và phương pháp luận khác nhau, đưa đến các quan niệm khác nhau về cùng một đối tượng.

Dù theo đường hướng tiếp cận nào, điểm thống nhất giữa các nhà nghiên cứu là đều quan niệm diễn ngôn như là một quá trình tương tác xã hội (ở phạm vi hẹp là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phạm vi rộng là toàn bộ tương tác giữa các cá nhân/ nhóm xã hội) chứ không chỉ là sản phẩm được tạo ra bởi quá trình đó. Diễn ngôn, do vậy, không tách rời khỏi sự tương tác giữa các nhân tố “có mặt”, trực tiếp tham gia vào hoạt động giao tiếp và cả những nhân tố “vắng mặt”, gián tiếp tác động tới hoạt động giao tiếp trong xã hội. Từ điểm thống nhất này, không thể phủ nhận cách tiếp cận diễn ngôn trực tiếp nhất chính là xuất phát từ hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Từ góc nhìn ngôn ngữ học, “diễn ngôn là sự kiện giao tiếp giữa người nói và người nghe (người quan sát...), trong quá trình hành động giao tiếp trong ngữ cảnh không gian thời gian nhất định” (Teun A Van Dijk, dẫn theo Lã Nguyên [4]). Từ đó, các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu diễn ngôn từ phương diện biểu hiện ý nghĩa của nó (khám phá và phân tích các phương thức, phương tiện ngôn ngữ trong mối tương quan với ngữ cảnh và các nhân tố giao tiếp khác mà ở đó người tham gia giao tiếp thể hiện được ý tưởng trong lời nói của mình). Thành tựu mà nhiều nhà ngôn ngữ học đã đạt được trong nhiều năm qua là lí thuyết Phân tích diễn ngôn với bộ công cụ phân tích gồm: ngữ vực (trường, thức và không khí) và liên kết, mạch lạc, cấu trúc của diễn ngôn.

Diễn ngôn văn học là một kiểu loại diễn ngôn được phân loại dựa trên cơ sở xã hội học và thi pháp học. Theo đó, diễn ngôn văn học sử dụng một bộ mã ngôn ngữ đặc thù để phản ánh hiện thực, dưới áp chế của quyền lực, tri thức và hệ tư tưởng cộng đồng, thông qua cá nhân nhà văn để phát ngôn về một vấn đề nhất định của đời sống. Nhưng trong thực tiễn diễn ngôn, không tồn tại một diễn ngôn văn học cụ thể nào (chỉ có văn bản văn học cụ thể) mà nó là một khái niệm chỉ chung cho cả kiểu loại diễn ngôn: “literary discourses” (thuật ngữ “diễn ngôn” ở đây luôn được viết ở dạng thức số nhiều).

2.2. *Tương tác diễn ngôn*

Với tất cả các khuynh hướng nghiên cứu diễn ngôn kể trên, tính tương tác của diễn ngôn đều được thừa nhận và khẳng định một cách nhất quán và tường minh. Xuất phát từ nhận định diễn ngôn chỉ có thể nảy sinh và được thực hiện thông qua hoạt động giao tiếp, qua tương tác xã hội, các nhà nghiên cứu đều thừa nhận về sự chi phối, tác động mạnh mẽ của các nhân tố bên ngoài ngôn ngữ như ngữ cảnh (bao gồm cả ngữ cảnh văn hoá), thể phát - thể nhận thông điệp, hệ tư tưởng, quyền lực, tri thức...

tới diễn ngôn. “Những người sử dụng ngôn ngữ tham gia vào diễn ngôn thực hiện các hành vi xã hội và tham gia vào tương tác xã hội, thường là trong hội thoại và các hình thức giao tiếp khác. Tương tác như vậy lần lượt được nhúng vào nhiều bối cảnh xã hội và văn hoá khác nhau...” [7, tr.2]. Mặc dù vậy, cho đến thời điểm này, với phạm vi tư liệu mà chúng tôi tiếp cận được, vẫn chưa có một định nghĩa cụ thể về tương tác diễn ngôn cũng như các phương diện thể hiện tương tác diễn ngôn chưa từng được hệ thống hoá trong nghiên cứu ngôn ngữ học. Do vậy, trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi bước đầu trình bày cách hiểu của mình về tương tác diễn ngôn với các thuộc tính cơ bản như sau:

Thứ nhất, tương tác diễn ngôn là mối quan hệ, tác động qua lại giữa các nhân tố tham gia vào quá trình thực hiện diễn ngôn và giữa các diễn ngôn có liên quan tới nhau trên một phương diện nào đó. Nói cách khác, tương tác diễn ngôn thể hiện ở các kiểu quan hệ, tương liên (không chỉ là sự tương đồng hay khác biệt) giữa các diễn ngôn với nhau và giữa các nhân tố tham gia vào quá trình thực hiện một diễn ngôn nào đó.

Thứ hai, tương tác diễn ngôn khác với *tính tương tác* của diễn ngôn. Tính tương tác là thuộc tính bản chất của diễn ngôn bởi cơ sở hình thành và thực hiện diễn ngôn chính là hoạt động tương tác xã hội, trong đó có hoạt động giao tiếp. Tính tương tác thể hiện ở tất cả các nhân tố trực tiếp và gián tiếp của một diễn ngôn. Trong khi đó, tương tác diễn ngôn chỉ hình thành khi có sự tương liên của các nhân tố trong một diễn ngôn hoặc giữa các diễn ngôn với nhau trên một phương diện nhất định. Khi đã có diễn ngôn là đã tồn tại tính tương tác, nhưng chưa hẳn đã có tương tác diễn ngôn.

Thứ ba, tương tác diễn ngôn đề cập đến các mối quan hệ bên trong và bên ngoài của một/ một số diễn ngôn; dựa trên sự tương liên về một phương diện nhất định nào đó mà hình thành các kiểu tương tác khác nhau giữa diễn ngôn này với diễn ngôn khác, giữa một diễn ngôn với nhiều diễn ngôn khác. Do vậy, biểu hiện của tương tác diễn ngôn liên quan đến quá trình diễn ngôn ngay từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, thậm chí, có thể không có kết thúc khi mà các nhân tố trong tương tác diễn ngôn còn tiếp tục được hình thành. Chẳng hạn, kiểu tương tác giữa các diễn ngôn với nhau (diễn ngôn về diễn ngôn) sẽ không có điểm kết thúc nếu các diễn ngôn mới còn tiếp tục được hình thành để cùng “trao đổi”, “bàn luận” về một diễn ngôn gốc nào đó. Tương tác diễn ngôn văn học có rất nhiều trường hợp minh hoạ cho quá trình tương tác chưa có điểm kết thúc này.

2.3. Tương tác diễn ngôn và liên văn bản

Cũng như sự khác biệt giữa diễn ngôn và văn bản, tương tác diễn ngôn và liên văn bản cũng là hai khái niệm khác biệt.

Nếu diễn ngôn được hiểu là quá trình tương tác giữa các nhân tố khác nhau trong ngữ cảnh để thực hiện một hoạt động tương tác xã hội, thì văn bản được hiểu như là sản phẩm bằng ngôn ngữ được tạo ra trong quá trình đó. Ngay cả khi văn bản đó được tạo lập bởi đa phương thức thì vẫn phải thừa nhận rằng phương thức diễn đạt bằng ngôn ngữ chiếm vai trò chủ đạo không thể thay thế. Các nhân tố tham gia vào quá trình diễn ngôn đều sẽ được thể hiện và ghi dấu trong văn bản bằng việc tổ chức các đơn vị ngôn ngữ theo nhiều cách khác nhau dựa trên nguyên tắc chung của việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Mỗi văn bản tồn tại ở dạng vật chất cụ thể (ngôn ngữ ở dạng nói hoặc viết); còn diễn ngôn được nhìn nhận như một quá trình tinh thần được cụ thể hoá thông qua các phương tiện vật chất (bao gồm cả văn bản với tư cách là sản phẩm của quá trình đó).

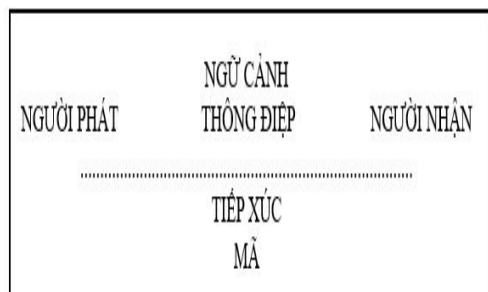
Tương tác diễn ngôn, do vậy cũng là một khái niệm trừu tượng chỉ mối tương quan giữa các quá trình thực hiện diễn ngôn khác nhau, mà một trong các biểu hiện cụ thể của nó là liên văn bản. Liên văn bản đề cập đến những tương quan (chủ yếu tập trung vào quan hệ liên tưởng tương đồng) trên

phương diện nội dung (đề tài, chủ đề, hình tượng, chi tiết...) và thủ pháp nghệ thuật của văn bản văn học dựa trên thao tác so sánh, đối chiếu các văn bản. Tương tác diễn ngôn thể hiện một phần thông qua mối quan hệ liên tưởng (tương đồng/ khác biệt) giữa các văn bản về cả phương diện nội dung và hình thức; nhưng mặt khác, nó còn được thể hiện thông qua sự tác động, chi phối lẫn nhau trong quan hệ liên nhân (thể phát - thể nhận), chiến lược để đạt mục tiêu và hành vi mà con người thực hiện trong quá trình diễn ngôn.

3. Cơ sở của tương tác diễn ngôn

Với cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn và tương tác diễn ngôn như trên, dễ nhận thấy là cơ sở của tương tác diễn ngôn chính là tương tác xã hội, mà ở phạm vi cụ thể hơn là tương tác trong hoạt động giao tiếp (một biểu hiện của nó là tương tác hội thoại).

Một mặt, mỗi diễn ngôn vừa là quá trình vừa là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong xã hội, do vậy nó thể hiện sự có mặt, vai trò và mối quan hệ tương tác của tất cả các nhân tố tham gia vào hoạt động giao tiếp đó. Bản thân hoạt động giao tiếp đã mang tính tương tác cao, thể hiện ở quá trình vận động tương tác trong hội thoại và mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố giao tiếp. Một cách tổng quan, có thể hình dung về mô hình tương tác giữa các nhân tố tham gia hoạt động giao tiếp như Jakobson đã sắp xếp theo hàng ngang và hàng dọc như sau:



Hình 1. Các yếu tố trong quá trình giao tiếp (R. Jakobson) (dẫn theo Diệp Quang Ban [1])

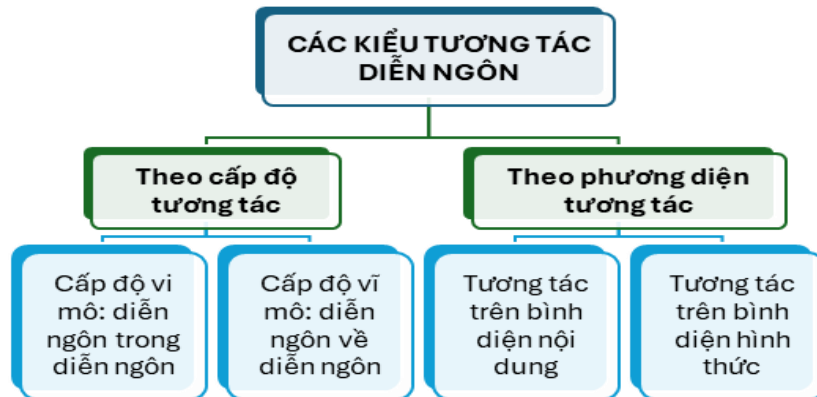
Trong giao tiếp văn học, nhà văn (người phát) tương tác với người đọc (người nhận) thông qua một “thông điệp” được mã hoá - một diễn ngôn được diễn đạt thông qua một văn bản văn học. Thông điệp mà nhà văn muốn chuyển đến người đọc là thông điệp nghệ thuật và tư tưởng. Còn “mã” văn học là hệ thống các kí hiệu thẩm mĩ có vai trò biểu trưng và chuyển tải thông điệp giữa nhà văn và người đọc. Nhà văn là người mã hoá (encode), còn người đọc là người giải mã (decode).

Dựa trên các quá trình tương tác hội thoại, tương tác diễn ngôn được thực hiện và thể hiện kết quả ngay trong quá trình đó. Mặt khác, song song với tham gia tương tác hội thoại, mỗi nhân vật giao tiếp lại đồng thời đại diện cho sự hiện diện, thao túng của quyền lực và hệ tư tưởng của một tập thể nhất định trong xã hội, và từ đó họ đem vào quá trình diễn ngôn những kết quả được hình thành từ quyền lực và hệ tư tưởng đó, đặt nó trong cuộc “đối thoại” với một đại diện của một tập thể khác (hoặc cùng một tập thể). Điều này cho phép nhìn nhận mỗi quá trình diễn ngôn thực chất cũng là quá trình tương tác tinh thần giữa các đại diện của tập thể/ nhóm người trong xã hội. Trong nghiên cứu của mình, Dijk đã xác lập một mệnh đề nổi tiếng: “Diễn ngôn là một loại hình của hành động và tương tác xã hội” (Discourse is a form of action and interaction) [7, tr.8]. Theo đó, mỗi hành vi giao tiếp của thể phát hay thể nhận trong quá trình diễn ngôn đều là một hành vi mang tính tương tác và mang tính xã hội. “Những hành động này có thể có những đặc tính rất khác nhau, nhưng tất cả chúng đều là hành động giao tiếp. Mặc dù ý định và mục đích thường được mô tả là biểu hiện mang tính tinh thần, nhưng chúng có liên quan đến xã hội vì chúng thể hiện dưới dạng hoạt động xã hội và vì chúng được người khác gán cho hoặc quy cho chúng ta khi họ diễn giải hoạt động này” [7, tr.8].

Tương tác diễn ngôn văn học cũng đồng thời thể hiện sự tương tác giữa các nhân tố tham gia vào hoạt động giao tiếp có tính đặc thù - giao tiếp nghệ thuật: “Trong giao tiếp văn học, người phát (émetteur - nhà văn) nằm trong một hệ thống các mối quan hệ rất phức tạp: là người sử dụng một hệ thống ký hiệu (code) để truyền đạt một nội dung (tư tưởng, nghệ thuật) cho người nhận (một đối tượng độc giả ban đầu ở dạng tiềm năng) trong một ngữ cảnh (contexte) thông qua một kênh giao tiếp nào đó (văn viết, văn nói)” [2]. Bên cạnh đó, tương tác diễn ngôn văn học cũng thể hiện trong mối tương quan giữa các diễn ngôn khác nhau với các thể phát - thể nhận khác nhau. “Todorov khẳng định: Diễn ngôn gặp gỡ diễn ngôn của kẻ khác trên mọi nẻo đường dẫn tới đối tượng của nó, và nó không thể không tương tác với diễn ngôn khác một cách mạnh mẽ và sống động” [2]. Ở đây, chúng tôi không đặt vấn đề nghiên cứu về ảnh hưởng, thao túng của các yếu tố hệ tư tưởng và quyền lực đối với diễn ngôn văn học và tương tác diễn ngôn văn học trong văn học sử, mà chúng tôi thừa nhận và coi những tác động này là nền tảng, căn cứ để tìm ra các biểu hiện cụ thể của tương tác diễn ngôn văn học trên bình diện nội dung và hình thức của chúng, từ đó nhận diện và mô tả một số kiểu tương tác chủ yếu của diễn ngôn văn học từ góc nhìn ngữ học.

4. Các kiểu tương tác diễn ngôn văn học chủ yếu

Với cách tiếp cận và các cơ sở nêu trên, tương tác diễn ngôn nói chung và tương tác diễn ngôn văn học nói riêng có thể được phân hoá thành các kiểu tương tác đa dạng theo một số tiêu chí khác nhau: *Thứ nhất*, dựa vào cấp độ đơn vị tương tác, diễn ngôn được coi là đơn vị/ thành tố trong tương tác, có thể nhận diện tương tác diễn ngôn ở cấp độ vi mô (tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn) và vĩ mô (tương tác diễn ngôn về diễn ngôn). *Thứ hai*, dựa vào các phương diện thể hiện tương tác diễn ngôn, có thể nhận diện và phân biệt hai kiểu tương tác diễn ngôn khác nhau: tương tác trên phương diện nội dung và tương tác trên phương diện hình thức; mỗi phương diện của diễn ngôn lại có thể tham gia vào tương tác diễn ngôn một cách linh hoạt, đa dạng. Có thể hình dung một cách tổng quát các kiểu tương tác diễn ngôn chủ yếu như sơ đồ sau:



Hình 2. Các kiểu tương tác diễn ngôn

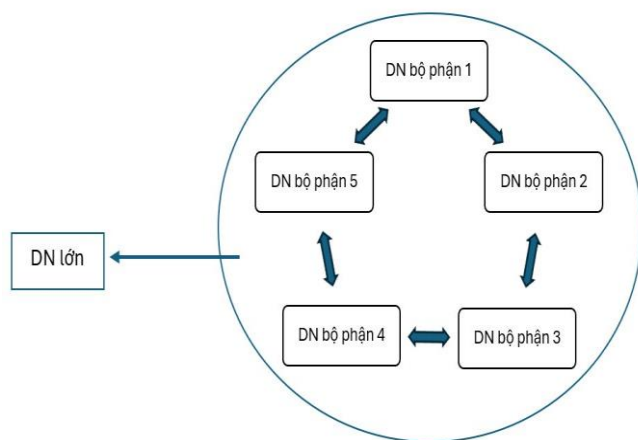
Dưới đây là những phân tích và minh hoạ cho một số kiểu tương tác diễn ngôn văn học chủ yếu, có sự chi phối nhất định bởi tính đặc thù của giao tiếp nghệ thuật.

4.1. Các kiểu tương tác diễn ngôn theo cấp độ

4.1.1. Tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn (*discourses in discourse*)

Ở cấp độ vi mô, có thể thấy tương tác diễn ngôn thể hiện ngay trong nội bộ của một diễn ngôn, với nhân tố tham gia quá trình diễn ngôn chính là các nhân tố trong tương tác diễn ngôn. Đặc biệt, hiện

tượng một diễn ngôn lớn, có tính tổng thể, được hình thành và bao trùm bên trong nó các diễn ngôn bộ phận khá phổ biến trong văn học.



Hình 3. Mô hình tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn
(discourses in discourse)

Trong nội bộ một diễn ngôn văn học lớn, xét tính nội hướng của nó, sẽ luôn có sự cấu thành của một số diễn ngôn bộ phận nhất định, tùy thuộc vào từng thể loại diễn ngôn văn học, chẳng hạn: Một diễn ngôn truyện kể thường sẽ bao gồm các loại diễn ngôn bộ phận như sau: (1) diễn ngôn của nhân vật (thể hiện qua lời thoại và hoạt động trao đáp hội thoại); (2) diễn ngôn của người kể chuyện (thể hiện qua lời dẫn truyện); (3) diễn ngôn của tác giả (thể hiện qua sự tổ chức cốt truyện, tình huống, nhân vật, chi tiết, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật...).

Quan hệ giữa diễn ngôn lớn với các diễn ngôn bộ phận là quan hệ bao hàm (chính thể - bộ phận) nhưng không bao giờ là sự tổng gộp đơn thuần của các diễn ngôn bộ phận. Truyện kể không phải là phép cộng của cốt truyện với các nhân vật, sự kiện và tình huống truyện...; truyện kể là sự tổ chức hoà kết các nhân tố trên theo một logic nào đó và theo mục đích cụ thể của tác giả. Giữa các diễn ngôn bộ phận đồng thời lại có mối quan hệ với nhau theo một kiểu nhất định: tương đồng, bổ sung; khác biệt, đối lập; giao thoa - tách lập; tuyến tính - đảo chiều; dung hợp - loại trừ... Trần Thị Mai Hồng [6] đã chỉ ra kiểu quan hệ bao hàm này trong diễn ngôn giáo dục “Gieo mầm tính cách”. Diễn ngôn lớn này bao trùm lên 12 diễn ngôn nhỏ, được mã hoá bằng hình thức kể chuyện: Tử tế, Tha thứ, Kiên trì, Thật thà, Quan tâm, Yêu thương, Mạnh mẽ, Tự tin, Ước mơ, Lịch sự, Hiếu thảo, Công bằng. Mỗi diễn ngôn nhỏ này là một chuỗi bài học về đạo đức, nhằm đạt đến đích hình thành và phát triển một phẩm chất cụ thể cho trẻ. Các diễn ngôn bộ phận là các hợp phần, bổ trợ lẫn nhau để hoàn thiện cấu trúc của “tính cách”, nhân cách đầy đủ và cần thiết của mỗi người.

Với đặc thù của loại hình diễn ngôn văn học, biểu hiện của kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn có lẽ thể hiện rõ nhất qua tương tác giữa các diễn ngôn bộ phận của các nhân vật và người kể chuyện trong diễn ngôn lớn là toàn bộ truyện kể - với tư cách là một “sự kiện văn học”. Trong truyện “Chí Phèo”, chẳng hạn, có thể nhận ra 3 diễn ngôn bộ phận chủ yếu nhất làm thành các hợp phần quan trọng của diễn ngôn truyện kể này: (1) diễn ngôn của người kể chuyện; (2) diễn ngôn của Chí Phèo; (3) diễn ngôn của Bá Kiến. Trong đó:

Trong đó:

- Diễn ngôn lớn: là một chỉnh thể với sự tổng hòa của tất cả các nhân tố làm nên diễn ngôn (ngữ vực, liên kết, mạch lạc, cấu trúc...) trong đó, có sự tồn tại của nhiều diễn ngôn bộ phận.

- Diễn ngôn bộ phận: là các diễn ngôn được thực hiện song song và giới hạn bởi ranh giới của diễn ngôn lớn. Các diễn ngôn bộ phận, nếu tồn tại, thường tạo nên các hợp phần quan trọng của diễn ngôn lớn, không phải như các bộ phận cấu thành “cơ học” mà là thành tố trong mối quan hệ phức hợp giữa chúng với nhau và giữa chúng với diễn ngôn lớn.

- Diễn ngôn của người kể chuyện với giọng điệu và lời văn trần thuật của một người kể chuyện toàn tri, khách quan, nhịp điệu trần thuật với thủ pháp đảo chiều và dồn nén, kéo giãn thời gian tự sự linh hoạt để tạo tính hấp dẫn cho câu chuyện. Mặc dù vậy, với những yếu tố ngôn ngữ miêu tả nhân vật (cả về ngoại hình, tâm lí và hành động, lời nói) và bằng sự lựa chọn, sắp xếp các sự kiện, chi tiết trong trần thuật, người tiếp nhận vẫn nhận ra thái độ của người kể chuyện không hề “lạnh lùng” như cái giọng kể khách quan có vẻ như vậy, mà thực chất hàm chứa trong đó nỗi đau đớn, xót thương cho thân phận con người với bi kịch bất khả kháng và không lối thoát.

- Diễn ngôn của Chí Phèo đại biểu cho diễn ngôn của một nhóm nhân vật “thấp cổ bé họng” trong diễn ngôn truyện kể. Ở đây, người tiếp nhận không khó để nhận ra nỗi phần uất, sự bất lực của một tầng lớp chịu áp bức, tha hoá, muốn đấu tranh và giành lại quyền được “làm người” lương thiện mà không có cách nào thực hiện. Bởi vậy, lời thoại của nhân vật Chí Phèo (nhà văn Nam Cao chỉ “đặt” lời thoại vào miệng nhân vật Chí Phèo từ khi hắn đã trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, ở đáy sâu của vực thẳm tha hoá) hầu như là tiếng chửi rủa, kêu la, rên xiết, phi mạch lạc; chủ đề chính của lời thoại cũng đều hướng đến lợi ích nhỏ nhất (vòi/ xin tiền); hành vi chủ đạo là hành vi đòi hỏi, đe dọa (... *xin cụ cho con đi ở tù. Nếu mà không được thì...*) và bộc lộ (*Ồi làng nước ơi!! Tao muốn làm người lương thiện...*). Diễn ngôn của Chí Phèo, do vậy, là một tiếng nói phơi bày bi kịch mất nhân tính của con người trong một xã hội không để yên cho họ làm người.

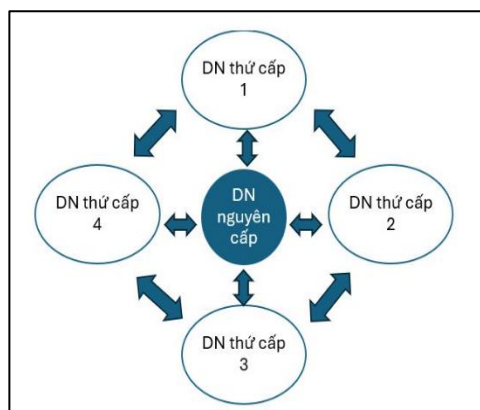
- Diễn ngôn của Bá Kiến là đại biểu cho diễn ngôn của nhóm người thống trị, tầng lớp xung đột lợi ích với nhóm người như Chí Phèo. Do vậy, có thể thấy trong truyện kể, hầu như nhà văn chỉ tái hiện các đối thoại của Bá Kiến và Chí Phèo, lược bỏ hầu hết các đối thoại khác. Chỉ riêng điều đó cũng đã phần nào cho thấy tính chất đối lập, xung đột của hai diễn ngôn bộ phận (diễn ngôn của Chí Phèo và diễn ngôn của Bá Kiến) trong truyện kể này. Diễn ngôn của Bá Kiến, trong tương tác với diễn ngôn của Chí Phèo, thể hiện rõ tính chất khôn khéo, thủ đoạn thâm độc và gian ngoan của kẻ chuyên bóc lột người khác mà vẫn thể hiện như sự gia ân, khiến người ta không có cách nào tìm ra cái lí để phản kháng. Bằng cách dùng từ xưng hô ngang vai và thừa nhận vai vế ngang hàng (*anh Chí - tôi, “người lớn với nhau cả”*), bằng hành vi quát vợ quát con (*Các bà đi vào nhà: đàn bà chỉ lỏi thôi, biết gì?... Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không biết nghĩ trước nghĩ sau... Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người ta đun nước, mau lên!*) và bày tỏ sự quan tâm, thân tình (*Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước... Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ.*), thế là chỉ cần vài ba lượt lời, Bá Kiến đã bộc lộ toàn bộ bản tính gian ngoan, thâm sâu của tầng lớp mình và làm giảm dần ý chí phản kháng của tầng lớp xung đột lợi ích với mình.

Ba diễn ngôn bộ phận kể trên hợp thành diễn ngôn truyện kể *Chí Phèo* và có sự tác động qua lại với nhau đã hoàn thành cái “khung truyện kể” chủ yếu, làm nổi bật tư tưởng chủ đề - đích của diễn ngôn lớn: mâu thuẫn, xung đột giai cấp chỉ có thể giải quyết bằng đấu tranh giai cấp; tư tưởng nhân đạo, nhân văn ẩn đằng sau cái nhìn hiện thực phê phán.

3.1.2. Tương tác diễn ngôn về diễn ngôn

Xét ở cấp độ vĩ mô, trong thực tiễn giao tiếp và tương tác xã hội, mỗi diễn ngôn tồn tại bên cạnh các diễn ngôn khác và luôn có tiềm năng tạo ra các tương liên với các diễn ngôn xung quanh nó trên một/ một số phương diện nhất định nào đó, từ đó có thể hình thành một mạng lưới tương tác giữa nhiều

diễn ngôn có mối tương liên với nhau và cùng tương liên với một diễn ngôn khác. Có thể mô hình hoá kiểu tương tác diễn ngôn này như:



Hình 4. Mô hình tương tác diễn ngôn về diễn ngôn.

Trong đó:

- Diễn ngôn nguyên cấp: là diễn ngôn “gốc”, được lấy làm mốc, có trước, từ đó người tiếp nhận có thể nhận diện và xác định các diễn ngôn khác xoay xung quanh sẽ cùng có tương tác ít nhiều với nó về một/một số khía cạnh nào đó của nội dung (đề tài, chủ đề) hoặc hình thức (thủ pháp, chất liệu...) hoặc thể loại (loại hình diễn ngôn).

- Diễn ngôn thứ cấp: là các diễn ngôn xuất hiện sau diễn ngôn nguyên cấp, được định vị nhờ vào điểm mốc là diễn ngôn nguyên cấp, cùng có tương tác với diễn ngôn nguyên cấp trên một phương diện nhất định và đồng thời, các diễn ngôn thứ cấp lại có tương tác với nhau, từ đó hình thành một mạng lưới tương tác xoay xung quanh diễn ngôn nguyên cấp.

Trong tương tác diễn ngôn, có thể thấy sự thể hiện của kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn dường như trở thành một đặc thù của loại hình diễn ngôn văn học. Bởi lẽ, mỗi diễn ngôn văn học khi được thực hiện đều có thể trở thành diễn ngôn nguyên cấp của nhiều diễn ngôn thứ cấp khác; đến lượt mình, một diễn ngôn thứ cấp nào đó lại có thể trở thành diễn ngôn nguyên cấp do có một mạng lưới các diễn ngôn thứ cấp riêng của nó. Thường thì diễn ngôn nguyên cấp sẽ là các “sự kiện văn học” mà trung tâm của nó là quá trình sáng tác và tiếp nhận một tác phẩm văn học; các diễn ngôn thứ cấp trong tương tác diễn ngôn văn học sẽ thuộc về một loại hình diễn ngôn khác (có thể là diễn ngôn nghiên cứu, phê bình văn học, hoặc diễn ngôn chuyển thể, diễn ngôn phóng tác...). Điều này cho phép người tiếp nhận có một trường liên tưởng rộng rãi khi tiếp nhận một diễn ngôn văn học nguyên cấp, làm cơ sở cho việc nhận diện, phân tích tương tác về quyền lực, hệ tư tưởng và hành vi trong xã hội của nó.

Trường hợp điển hình cho kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn trong văn học Việt Nam có lẽ phải kể đến diễn ngôn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Trước hết, *Truyện Kiều* tồn tại với tư cách là một diễn ngôn thứ cấp (hiểu theo đúng nội hàm khái niệm được xác định ở trên, không hàm nghĩa đánh giá) của diễn ngôn nguyên cấp *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân). Xét trong tương tác này, có thể coi *Truyện Kiều* là một diễn ngôn văn học thuộc kiểu phóng tác của diễn ngôn *Kim Vân Kiều truyện*. Tiếp theo, *Truyện Kiều* lại trở thành diễn ngôn nguyên cấp của một mạng lưới rất rộng các diễn ngôn thứ cấp của nó, với một tập hợp rất lớn, trải dài hơn hai trăm năm lịch sử, bao gồm nhiều kiểu loại diễn ngôn khác nhau: diễn ngôn nghiên cứu, phê bình văn học (có lẽ khó mà thống kê được hết số lượng loại diễn ngôn này khi nói về *Truyện Kiều*); diễn ngôn phóng tác (tập Kiều, lấy Kiều, ngâm thơ Kiều, kể chuyện Kiều, viết lại...); diễn ngôn chuyển thể (phim truyện, phim điện ảnh, văn chương, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, sân khấu kịch, chèo, tuồng, cải lương...).

Xét đến thuộc tính của kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn văn học, có thể thấy:

Tương tác giữa các diễn ngôn thứ cấp với diễn ngôn nguyên cấp có thể theo các kiểu quan hệ mô phỏng (phóng tác, chuyển thể), tái lập (nếu viết lại theo chiều hướng khác) hoặc bình giá (nếu là diễn ngôn phê bình, bình luận).

Tương tác giữa các diễn ngôn thứ cấp với nhau có thể theo kiểu quan hệ đồng hướng/ nghịch

hướng (cùng chiều/ trái chiều ý kiến khi đánh giá diễn ngôn nguyên cấp), so sánh tương đồng/ khác biệt (về thể loại, chất liệu, loại hình...).

Dù là theo kiểu tương tác nào, giữa các diễn ngôn văn học có tương tác diễn ngôn về diễn ngôn đều đòi hỏi thể phát và thể nhận luôn thực hiện rõ ràng các hành vi chủ đạo và xem xét đến thị hiếu, xu hướng và tri nhận chung của cộng đồng tại thời điểm thực hiện quá trình diễn ngôn. Chính vì thế, tìm hiểu kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn này còn cho phép người nghiên cứu nhận ra được sự vận động, chuyển biến trong nhận thức, đánh giá của cộng đồng về một quan điểm được thể hiện trong diễn ngôn trước đó.

4.2. Các kiểu tương tác diễn ngôn theo theo phương diện tương tác

4.2.1. Tương tác trên phương diện nội dung

a) Tương tác đề tài, chủ đề

Đề tài, chủ đề là phương diện tương tác thường gặp giữa các diễn ngôn bộ phận với diễn ngôn lớn và giữa các diễn ngôn bộ phận với nhau trong kiểu tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn; cũng có thể thấy phương diện tương tác này thể hiện trong quan hệ giữa các diễn ngôn nguyên thứ cấp với diễn ngôn nguyên cấp trong kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn.

Khi các diễn ngôn được đặt trong cùng một phạm vi đề tài, đề cập đến cùng một chủ đề thì chúng sẽ có tương tác đề tài, chủ đề với nhau theo kiểu tương đồng, đồng hướng. Các diễn ngôn bộ phận trong một diễn ngôn lớn luôn thể hiện tính đồng hướng này do đòi hỏi về tính mạch lạc của diễn ngôn lớn. Thậm chí, mỗi diễn ngôn bộ phận có thể làm thành một hợp phần riêng biệt của chủ đề lớn, mà nếu thiếu nó thì không thể hoàn thiện đề tài, chủ đề của diễn ngôn lớn. Điều này càng cho thấy tương quan chặt chẽ và nguyên lí của việc tổ chức, sắp xếp các diễn ngôn trong diễn ngôn. Trường hợp diễn ngôn giáo dục đạo đức “Gieo mầm tính cách” được nhắc tới ở trên là một minh hoạ tường minh cho phương diện tương tác này. Hoặc, với trường hợp tương tác diễn ngôn về diễn ngôn *Truyện Kiều* đã dẫn ở trên, có thể dễ dàng nhận ra tính tương đồng, thống nhất về đề tài, chủ đề “số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội” giữa các diễn ngôn thứ cấp (phóng tác, chuyển thể, phê bình, nghiên cứu...) với nhau và với diễn ngôn nguyên cấp *Truyện Kiều*. Các diễn ngôn thứ cấp có thể khác biệt ở khía cạnh này hay khác trên phương diện nội dung, nhưng không thoát ra khỏi phạm vi chủ đề bàn luận chung được đặt ra trong diễn ngôn *Truyện Kiều*.

b) Tương tác mục đích/ đích

Do diễn ngôn là quá trình tương tác giữa thể phát và thể nhận, nên tương tác diễn ngôn không thể không đề cập đến tương tác về mục đích/ đích giao tiếp của các nhân vật giao tiếp. Thường thì mỗi nhân vật giao tiếp sẽ có đích giao tiếp riêng của mình và có một chiến lược giao tiếp để đạt đích. Có đôi khi, các đích giao tiếp của thể phát và thể nhận không xung đột, mâu thuẫn nhau, và kết thúc là cả hai cùng thỏa mãn, đạt đích. Tuy nhiên, có những tương tác diễn ngôn cho thấy rõ tính xung đột, mâu thuẫn về đích giao tiếp của thể phát - thể nhận, làm nổi bật lên tính tương tác xã hội thông qua việc giải quyết các mâu thuẫn, xung đột đó.

Từ góc độ ngữ học, đích của diễn ngôn sẽ được hiện thực hoá thông qua việc lựa chọn, sắp xếp các thành tố của diễn ngôn theo một chiến lược giao tiếp được xác định để nhằm trúng đích. Chiến lược giao tiếp có thể thể hiện qua việc lựa chọn và sắp xếp các đơn vị ngôn ngữ tạo lời; hoặc sự tổ chức các yếu tố cấu thành của diễn ngôn theo một trật tự “vô hình”; cũng có thể là việc phối hợp các phương thức, phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ... Và tương tác trên phương diện đích giao tiếp thường chỉ xảy ra trong tương tác diễn ngôn về diễn ngôn do có nhiều thể phát khác nhau, dẫn đến những đích giao tiếp khác nhau.

Trong tương tác diễn ngôn văn học, do đặc thù của thi pháp và tu từ, mỗi diễn ngôn sẽ hiện thực hoá một chiến lược giao tiếp riêng của thể phát để làm rõ đích giao tiếp của diễn ngôn, đồng thời luôn có sự tác động, chi phối của đặc trưng thi pháp thể loại diễn ngôn (diễn ngôn truyện, diễn ngôn thơ hay diễn ngôn kịch đều có những đặc trưng thể loại riêng của chúng). Mặt khác, các diễn ngôn phi văn học thứ cấp trong tương tác với nhau về diễn ngôn văn học nguyên cấp sẽ có kiểu quan hệ đồng hướng (cùng đích) hoặc nghịch hướng (khác đích, thậm chí trái ngược đích). Đặc biệt, dễ nhận thấy các kiểu quan hệ này khi xem xét tương tác giữa các diễn ngôn nghiên cứu, phê bình văn học với một diễn ngôn nguyên cấp nào đó.

c) *Tương tác hành vi*

Cùng một cơ sở với tương tác diễn ngôn về đích giao tiếp, trong quá trình thực hiện diễn ngôn, để nhằm đạt đích, thể phát phải mã hoá một/ một số hành vi chủ đạo. Các hành vi trong diễn ngôn này có thể xảy ra tương tác với hành vi trong diễn ngôn khác theo một trong các kiểu quan hệ: tương thích (hỏi - đáp, yêu cầu - chấp nhận, ca ngợi/ phê phán - đồng tình....) hoặc không tương thích (bác bỏ, nghi vấn, giễu nhại,...).

Các diễn ngôn văn học thuộc kiểu tương tác diễn ngôn về diễn ngôn thể hiện rõ phương diện tương tác này. Khi xét tương tác giữa các diễn ngôn phóng tác hoặc chuyển thể với diễn ngôn nguyên cấp, sẽ dễ dàng nhận ra đích và hành vi giao tiếp của chúng thường có tính tương đồng, thống nhất (nếu đích của các diễn ngôn thứ cấp này là đồng hướng thì tương tác hành vi của chúng thường sẽ thuộc nhóm tương thích). Trong khi đó, tương tác giữa các diễn ngôn phê bình, nghiên cứu với diễn ngôn nguyên cấp lại thường có biểu hiện đa dạng về tương tác hành vi: có sự phân hoá thành các nhóm tương thích và không tương thích. Khi các diễn ngôn phê bình đồng hướng đích tán thành về diễn ngôn nguyên cấp, hành vi chủ đạo của các diễn ngôn phê bình sẽ thường là ngợi ca, đánh giá cao. Và ngược lại, các diễn ngôn phê bình khác cùng trong tương tác đó lại có thể thực hiện các hành vi không tương thích (bác bỏ, phản đối, giễu nhại...) khi nghịch hướng về đích với diễn ngôn nguyên cấp.

4.2.2. *Tương tác diễn ngôn trên phương diện hình thức*

Do đặc thù của diễn ngôn văn học có tính đa dạng về thể loại và đòi hỏi quá trình thực hiện diễn ngôn phải đáp ứng được các đặc trưng thể loại của diễn ngôn, nên phải tính đến phương diện tương tác thể loại trong tương tác diễn ngôn về diễn ngôn. Kiểu tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn hiển nhiên có tương tác đồng dạng về thể loại, vì lẽ đó, không cần được xem xét cụ thể hơn.

Nói đến đặc trưng thể loại của diễn ngôn văn học tất yếu phải xét đến việc sử dụng chất liệu để mã hoá thông điệp trong diễn ngôn. Mỗi loại chất liệu khác nhau sẽ qui định việc sử dụng các biện pháp và thủ pháp mã hoá của thể phát và tiếp xúc, giải mã thông điệp ở thể nhận. Do vậy, khi cùng chất liệu, cùng biện pháp và thủ pháp, các diễn ngôn được coi là có cùng phương thức truyền tin và ngược lại. Điều này là cơ sở để nhận diện các kiểu tương tác tương đồng hay khác biệt về đặc trưng thể loại giữa các diễn ngôn. Thông thường, tương tác dị biệt trên phương diện thể loại chỉ xuất hiện trong tương tác giữa các diễn ngôn thứ cấp và diễn ngôn nguyên cấp (khi các diễn ngôn thứ cấp thuộc các thể loại diễn ngôn khác nhau và cùng hướng về một diễn ngôn nguyên cấp).

Mặt khác, khi xét đến phương diện tương tác thể loại, khó có thể không nhắc đến tính đa phương thức trong quá trình thực hiện diễn ngôn, đặc biệt trong giai đoạn tương tác xã hội được thúc đẩy và làm phong phú, sinh động hơn hẳn nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Thuộc tính đơn/ đa phương thức của diễn ngôn cũng là một trong các yếu tố để có thể xác định thể loại của diễn ngôn một cách

tường minh hơn. Chẳng hạn: Ở Việt Nam, đã có một tập hợp các diễn ngôn chuyển thể xoay xung quanh diễn ngôn nguyên cấp là vở chèo dân gian *Trương Viên*. Với sự phong phú về phương thức và phương tiện biểu đạt, các diễn ngôn chuyển thể, mặc dù vẫn có thể lấy cùng tên gọi *Chèo Trương Viên*, nhưng lại cho thấy đặc điểm khác biệt rõ nét trong cách thức và phương tiện mã hoá thông điệp, từ đó dẫn đến khác biệt trong hiệu quả tiếp xúc và giải mã thông điệp. Nếu là diễn ngôn diễn xướng hoặc diễn ngôn chuyển thể sang điện ảnh, phim truyện chèo *Trương Viên*, tính đa phương thức (truyền tải thông điệp qua cả kênh thị giác và thính giác bằng các phương tiện hình ảnh, âm thanh, hành động, phối cảnh không gian, phục trang, diễn xuất...) của chúng được thể hiện rất rõ nét và đóng vai trò quan trọng trong kí mã. Nhưng khi chuyển thể sang kịch bản chèo *Trương Viên* (vẫn thuộc về loại hình diễn ngôn văn học), bởi việc sử dụng một loại chất liệu đơn nhất (ngôn ngữ) nên tính cụ thể, cảm tính và trực tiếp của các mã đã không còn, việc kí mã dồn nén gần như hoàn toàn vào tính hình tượng, đa nghĩa và truyền cảm của ngôn ngữ nghệ thuật. Việc giải mã của thể nhận đối với các diễn ngôn đơn phương thức này cũng trở nên khó khăn, thử thách hơn.

5. Kết luận

Với sự xác lập một cách tường minh về tương tác diễn ngôn như một phần không thể tách rời khỏi Phân tích diễn ngôn, chúng tôi đã cố gắng nhận diện, hệ thống hoá, lí giải và mô tả những kiểu tương tác diễn ngôn cơ bản cùng các biểu hiện của chúng trong tương tác diễn ngôn văn học, với các kiểu tương tác diễn ngôn chủ yếu: (1) Theo cấp độ tương tác, có tương tác diễn ngôn trong diễn ngôn và diễn ngôn về diễn ngôn; (2) Theo phương diện tương tác, có tương tác diễn ngôn trên phương diện nội dung (tương tác chủ đề, tương tác đích/mục đích, tương tác hành vi) và tương tác diễn ngôn trên phương diện hình thức (tương tác thể loại).

Bước đầu nghiên cứu này có thể cho phép chúng tôi thực hiện các nghiên cứu xa và sâu hơn về các kiểu tương tác diễn ngôn văn học nói riêng cũng như tương tác trong các loại hình diễn ngôn khác và từ đó, khái quát hoá được các kiểu loại và phương diện biểu hiện khác nhau của tương tác diễn ngôn nói chung. Việc làm này sẽ là một bổ sung quan trọng, hữu ích đối với lí thuyết Phân tích diễn ngôn vốn đã và đang định hình và ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
2. Nguyễn Duy Bình, *Diễn ngôn trong giao tiếp văn học*, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội, Khoa học xã hội và Nhân văn 28, tr. 209 -216, 2012.
3. Trần Thị Mai Hồng, *Tiếp cận diễn ngôn giáo dục đạo đức cho trẻ từ góc độ phân tích diễn ngôn (qua bộ sách “Gieo mầm tính cách”)*, Luận văn Thạc sĩ, ĐH Sư phạm Hà Nội, 2020.
4. Lã Nguyên (dịch), *22 định nghĩa về diễn ngôn*, link: <https://khoavanhue.husc.edu.vn/22-dinh-nghia-ve-dien-ngon/>. Ngày truy cập 06/09/2024.
5. Trần Đình Sử, *Khái niệm diễn ngôn trong nghiên cứu hôm nay*, <https://khoavanhue.husc.edu.vn/khai-niem-dien-ngon-trong-nghien-cuu-van-hoc-hom-nay/>
6. Vũ Thị Hồng Tiệp, *Tính tương tác của diễn ngôn báo chí qua một số báo điện tử phổ biến hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, trường ĐH Sư phạm Hà Nội, 2017.
7. T. Van Dijk, *Discourse as Interaction in Society*, voluum 2, link: https://books.google.com.vn/books?id=QsAhSa3ZyIkC&newbks=0&printsec=frontcover&hl=en&source=newbks_fb&redir_esc=y#v=onepage&q&f=true. Ngày truy cập 06/09/2024.